

CÔNG ƯỚC VIÊN
CỦA BỘ NGOẠI GIAO NGÀY 24 THÁNG 4 NĂM 1963
VỀ QUAN HỆ LÃNH SỰ

Các nước ký kết công ước này

Nhắc lại rằng quan hệ lãnh sự đã được thiết lập giữa các dân tộc từ lâu đời.

Ghi nhận các Mục đích và Nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc về bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, về duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, về thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các nước,

Xét thấy Hội nghị của Liên hợp quốc về quan hệ và các quyền miễn trừ ngoại giao đã thông qua Công ước Viên về quan hệ ngoại giao và đề nghị cho việc ký kết từ 18 tháng 4 năm 1961,

Tin rằng một Công ước quốc tế về quan hệ lãnh sự, quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự cũng sẽ góp phần phát triển quan hệ hữu nghị giữa các nước, không phân biệt chế độ lập pháp và xã hội khác nhau.

Nhận thức rằng mục đích của những quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự không phải là để làm lợi cho cá nhân mà là để đảm bảo cho các cơ quan lãnh sự thay mặt nước mình thi hành có hiệu quả các chức năng,

Khẳng định rằng những quy phạm của luật tập quán quốc tế tiếp tục điều chỉnh các vấn đề mà các điều khoản của Công ước này không quy định rõ ràng,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Định nghĩa

1. Vì mục đích của Công ước này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) "Cơ quan lãnh sự" có nghĩa là Tổng lãnh sự quán, Lãnh sự quán, Phó lãnh sự quán hoặc Đại lý lãnh sự quán;
- b) "Khu vực lãnh sự" có nghĩa là khu vực dành cho một cơ quan lãnh sự để thực hiện chức năng lãnh sự;
- c) "Người đứng đầu cơ quan lãnh sự" có nghĩa là người được bổ nhiệm hoạt động trên cương vị đó;
- d) "Viên chức lãnh sự" có nghĩa là bất cứ người nào, kể cả người đứng đầu cơ quan lãnh sự, được uỷ nhiệm thực hiện các chức năng lãnh sự trên cương vị đó;
- e) "Nhân viên lãnh sự" có nghĩa là bất cứ người nào được tuyển dụng làm công việc hành chính hoặc kỹ thuật trong cơ quan lãnh sự;
- f) "Nhân viên phục vụ" có nghĩa là bất cứ người nào được tuyển dụng làm công việc phục vụ nội bộ trong cơ quan lãnh sự;
- g) "Thành viên cơ quan lãnh sự" có nghĩa là viên chức lãnh sự, nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ;
- h) "Cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự" có nghĩa là các viên chức lãnh sự, ngoài người đứng đầu cơ quan lãnh sự, nhân viên lãnh sự và nhân viên phục vụ;
- i) "Nhân viên phục vụ riêng" có nghĩa là người chỉ làm thuê riêng cho một thành viên cơ quan lãnh sự;
- j) "Trụ sở cơ quan lãnh sự" có nghĩa là các toà nhà hoặc những phần của các toà nhà và phần đất phụ thuộc, không phân biệt quyền sở hữu, chỉ sử dụng cho các mục đích của cơ quan lãnh sự;
- k) "Hồ sơ lưu trữ lãnh sự" bao gồm tất cả giấy tờ, tài liệu, thư từ, sách phim, băng ghi âm và sổ ghi chép của cơ quan lãnh sự, cùng với mật mã, phiếu chỉ dẫn, và bất cứ vật dụng nào dùng để bảo quản hay giữ gìn các thứ đó.

2. Viên chức lãnh sự gồm hai loại: Viên chức lãnh sự chuyên nghiệp và viên chức lãnh sự danh dự. Những

điều quy định ở Chương II của Công ước này áp dụng cho các cơ quan lãnh sự do những viên chức lãnh sự chuyên nghiệp đứng đầu; những điều quy định ở Chương III áp dụng cho những cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu.

3. Qui chế riêng đối với những thành viên cơ quan lãnh sự là công dân Nước tiếp nhận lãnh sự hoặc là người thường trú tại đó do Điều 71 của Công ước này điều chỉnh.

CHƯƠNG I

QUAN HỆ LÃNH SỰ NÓI CHUNG

PHẦN I

LẬP VÀ TIẾN HÀNH QUAN HỆ LÃNH SỰ

Điều 2

Lập quan hệ lãnh sự

1. Việc lập quan hệ lãnh sự giữa các Nước được tiến hành theo thoả thuận giữa các Nước với nhau.
2. Việc thoả thuận lập quan hệ ngoại giao giữa hai Nước bao hàm luôn cả thoả thuận lập quan hệ lãnh sự, trừ khi có tuyên bố khác.
3. Việc cắt đứt quan hệ ngoại giao không kéo theo việc cắt đứt quan hệ lãnh sự.

Điều 3

Thực hiện chức năng lãnh sự

Các chức năng lãnh sự do các cơ quan lãnh sự thực hiện. Các chức năng lãnh sự còn do các cơ quan đại diện ngoại giao thực hiện phù hợp với những quy định của Công ước này.

Điều 4

Việc thành lập một cơ quan lãnh sự

1. Chỉ khi được Nước tiếp nhận đồng ý mới có thể thành lập một cơ quan lãnh sự trên lãnh thổ Nước đó.
2. Nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự, xếp hạng của cơ quan và khu vực lãnh sự do Nước cử quyết định và phải được Nước tiếp nhận chấp thuận.
3. Sau này, chỉ khi nào có sự đồng ý của Nước tiếp nhận, Nước cử mới được thay đổi nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự, xếp hạng của cơ quan hay khu vực lãnh sự.
4. Việc một Tổng lãnh sự quán hoặc một Lãnh sự quán muốn mở một Phó lãnh sự quán hoặc một Đại lý lãnh sự quán tại một địa điểm nằm ngoài nơi mà cơ quan này được thành lập thì cũng phải được Nước tiếp nhận đồng ý.
5. Việc mở một văn phòng thuộc cơ quan lãnh sự hiện có ở ngoài nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự đó thì cũng phải được Nước tiếp nhận đồng ý trước một cách rõ ràng.

Điều 5

Chức năng lãnh sự

Các chức năng lãnh sự gồm có:

- a) Bảo vệ tại Nước tiếp nhận các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, pháp nhân và công dân Nước cử, trong phạm vi luật pháp quốc tế cho phép;
- b) Phát triển quan hệ thương mại, kinh tế, văn hoá và khoa học giữa Nước cử và Nước tiếp nhận cũng như thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa hai nước phù hợp với các quy định của Công ước này;
- c) Bằng mọi biện pháp hợp pháp, tìm hiểu tình hình và diễn biến trong đời sống thương mại, kinh tế, văn

hoá và khoa học của Nước tiếp nhận, báo cáo tình hình đó về Chính phủ Nước cử và cung cấp thông tin cho những người quan tâm;

d) Cấp hộ chiếu và giấy tờ đi lại cho công dân Nước cử và cấp thị thực hoặc các giấy tờ thích hợp cho những người muốn đến Nước cử;

e) Giúp đỡ công dân bao gồm cả thể nhân và pháp nhân của Nước cử;

f) Hoạt động với tư cách là công chứng viên và hộ tịch viên và thực hiện những chức năng tương tự, cũng như thực hiện một số chức năng có tính chất hành chính, với điều kiện không trái với luật và quy định của Nước tiếp nhận;

g) Bảo vệ quyền lợi của công dân bao gồm cả thể nhân và pháp nhân của Nước cử trong trường hợp thừa kế di sản trên lãnh thổ Nước tiếp nhận, phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận;

h) Trong phạm vi luật và quy định của Nước tiếp nhận, bảo vệ quyền lợi của những vị thành niên và những người bị hạn chế năng lực hành vi là công dân Nước cử, đặc biệt trong trường hợp cần bố trí sự giám hộ hoặc đỡ đầu cho những người này;

i) Phù hợp với thực tiễn và thủ tục hiện hành ở Nước tiếp nhận, đại diện hoặc thu xếp việc đại diện thích hợp cho công dân Nước cử trước toàn án và các nhà chức trách khác của Nước tiếp nhận, nhằm đưa ra những biện pháp tạm thời phù hợp với luật và quy định của nước tiếp nhận để bảo vệ các quyền và lợi ích của các công dân đó, nếu vì vắng mặt hoặc vì một lý do nào khác, họ không thể kịp thời bảo vệ các quyền và lợi ích của họ;

j) Chuyển giao các tài liệu tư pháp và không tư pháp, hoặc thực hiện các uỷ thác tư pháp hoặc uỷ thác lấy lời khai cho các toà án ở Nước cử phù hợp với các điều ước quốc tế hiện hành, hoặc nếu không có những điều ước quốc tế như vậy thì theo bất cứ cách nào khác phù hợp với luật và quy định của Nước tiếp nhận;

k) Thực hiện quyền giám sát và thanh tra mà luật và quy định của Nước cử cho phép, đối với tàu thủy có quốc tịch Nước cử, tàu bay đăng ký ở Nước này, thuyền bộ và tổ bay;

l) Giúp đỡ tàu thủy và tàu bay nêu ở mục (k) của điều này, và giúp các thành viên của thuyền bộ và tổ bay trên các tàu thủy và tàu bay đó, nhận các lời khai về hành trình của tàu, kiểm tra và đóng dấu giấy tờ của tàu và không ảnh hưởng đến quyền hạn của nhà chức trách Nước tiếp nhận, tiến hành điều tra các sự kiện xảy ra trong hành trình của tàu và giải quyết các tranh chấp dưới bất cứ dạng nào giữa thuyền trưởng, các sĩ quan và thủy thủ trong phạm vi cho phép của luật và các quy định của Nước cử;

m) Thực hiện các chức năng khác do Nước cử giao cho cơ quan lãnh sự, nếu điều đó không bị luật và quy định của Nước tiếp nhận ngăn cấm hoặc không bị Nước tiếp nhận phản đối hoặc điều đó được quy định trong điều ước quốc tế hiện hành giữa Nước cử và Nước tiếp nhận.

Điều 6

Thực hiện chức năng lãnh sự ngoài khu vực lãnh sự

Trong những hoàn cảnh đặc biệt và được Nước tiếp nhận đồng ý, viên chức lãnh sự có thể thực hiện các chức năng của mình ở ngoài khu vực lãnh sự.

Điều 7

Thực hiện chức năng lãnh sự ở một nước thứ ba

Sau khi thông báo cho các nước hữu quan, Nước cử có thể uỷ nhiệm cho một cơ quan lãnh sự đặt ở một nước nào đó thực hiện chức năng lãnh sự ở một nước khác, trừ khi có sự phản đối rõ ràng của một trong những nước liên quan.

Điều 8

Thực hiện chức năng lãnh sự thay mặt cho một nước thứ ba

Sau khi thông báo một cách thích hợp cho Nước tiếp nhận, cơ quan lãnh sự của Nước cử có thể thực hiện chức năng lãnh sự thay mặt cho một nước thứ ba ở Nước tiếp nhận, trừ khi nước này phản đối.

Điều 9

Xếp hạng người đứng đầu cơ quan lãnh sự

1. Người đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể chia ra làm bốn hạng là:

- a) Tổng Lãnh sự;
- b) Lãnh sự;
- c) Phó Lãnh sự;
- d) Đại lý lãnh sự.

2. Khoản 1 của Điều này không hạn chế quyền của một Bên ký kết Công ước này được bổ nhiệm những viên chức lãnh sự khác ngoài người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

Điều 10

Bổ nhiệm và chấp thuận người đứng đầu cơ quan lãnh sự

1. Người đứng đầu cơ quan lãnh sự do Nước cử bổ nhiệm và được Nước tiếp nhận chấp thuận cho thi hành chức năng của mình.
2. Phù hợp với các quy định của Công ước này, thể thức bổ nhiệm và chấp thuận người đứng đầu cơ quan lãnh sự được xác định bởi luật, các quy định và tập quán tương ứng của Nước cử và Nước tiếp nhận.

Điều 11

Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hoặc thông báo việc bổ nhiệm

1. Mỗi khi bổ nhiệm, Nước cử cấp cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự một văn kiện, dưới hình thức Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hoặc một loại tương tự, chứng nhận chức vụ và theo lệ thường ghi rõ họ tên, hàm hoặc xếp hạng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự, khu vực lãnh sự và nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự.
2. Qua đường ngoại giao hoặc đường thích hợp khác, Nước cử chuyển Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hoặc văn kiện tương tự đến Chính phủ nước mà trên lãnh thổ nước đó người đứng đầu cơ quan lãnh sự sẽ thực hiện chức năng của mình.
3. Nếu Nước tiếp nhận đồng ý, thì thay cho Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hoặc một văn kiện tương tự, Nước cử có thể gửi cho Nước tiếp nhận một bản thông báo bao gồm các chi tiết theo quy định của khoản 1 Điều này.

Điều 12

Giấy chấp nhận lãnh sự (Exequatur)

1. Người đứng đầu cơ quan lãnh sự được phép thực hiện chức năng của mình khi Nước tiếp nhận cấp cho một giấy phép gọi là Giấy chấp nhận lãnh sự (Exequatur) không kể hình thức của Giấy phép đó như thế nào.
2. Một nước từ chối cấp Giấy chấp nhận lãnh sự không bắt buộc phải cho Nước cử biết lý do của việc từ chối đó.
3. Trừ những quy định của Điều 13 và 15, người đứng đầu cơ quan lãnh sự không được thực hiện nhiệm vụ của mình trước khi nhận được Giấy chấp nhận lãnh sự.

Điều 13

Tạm thời chấp nhận người đứng đầu cơ quan lãnh sự

Cho đến khi nhận được Giấy chấp nhận lãnh sự, người đứng đầu cơ quan lãnh sự có thể được phép tạm thời

thực hiện chức năng của mình. Trong trường hợp đó, những quy định của Công ước này sẽ được áp dụng.

Điều 14

Thông báo cho nhà chức trách trong khu vực lãnh sự

Ngay khi người đứng đầu cơ quan lãnh sự được phép thực hiện chức năng của mình, dù chỉ tạm thời, Nước tiếp nhận phải thông báo ngay cho nhà chức trách có thẩm quyền trong khu vực lãnh sự biết. Nước tiếp nhận cũng phải đảm bảo thi hành những biện pháp cần thiết nhằm giúp người đứng đầu cơ quan lãnh sự thực hiện nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi theo những quy định của Công ước này.

Điều 15

Tạm thời thực hiện các chức năng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự

1. Nếu người đứng đầu cơ quan lãnh sự không thể thực hiện được chức năng của mình hoặc chức vụ này đang khuyết, một người quyền đứng đầu cơ quan có thể tạm thời làm nhiệm vụ người đứng đầu cơ quan lãnh sự.
2. Cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử, hoặc nếu Nước đó không có cơ quan đại diện ngoại giao tại Nước tiếp nhận, thì người đứng đầu cơ quan lãnh sự, hoặc nếu người này không thể làm được thì bất cứ cơ quan có thẩm quyền nào của Nước cử phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận hoặc cho cơ quan do Bộ đó chỉ định biết họ tên của người quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự. Theo lệ thường, việc thông báo này phải làm trước. Nước tiếp nhận có thể yêu cầu phải có sự đồng ý của mình khi chấp nhận một người không phải là viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự của Nước cử tại Nước tiếp nhận làm người quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự.
3. Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước tiếp nhận phải giúp đỡ và bảo vệ người quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự. Trong thời gian phụ trách cơ quan, những quy định của Công ước này sẽ áp dụng đối với người đó như đối với người đứng đầu cơ quan lãnh sự. Tuy nhiên, Nước tiếp nhận không bắt buộc phải dành cho người quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự những sự dễ dàng, quyền ưu đãi hoặc miễn trừ mà người đứng đầu cơ quan lãnh sự được hưởng theo những điều kiện nhất định, khi người quyền đứng đầu không đáp ứng được các điều kiện đó.
4. Trong hoàn cảnh nói ở Khoản 1 Điều này, khi một cán bộ ngoại giao thuộc cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử tại Nước tiếp nhận được Nước cử chỉ định làm người quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự, thì người đó sẽ tiếp tục được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ về ngoại giao nếu Nước tiếp nhận không phản đối điều đó.

Điều 16

Ngôi thứ của những người đứng đầu cơ quan lãnh sự

1. Những người đứng đầu cơ quan lãnh sự sẽ được sắp xếp trong mỗi hạng theo ngày được cấp Giấy chấp nhận lãnh sự.
2. Tuy nhiên, nếu trước khi được cấp Giấy chấp nhận lãnh sự, người đứng đầu một cơ quan lãnh sự đã được tạm thời thực hiện chức năng của mình, thì ngôi thứ của người đó sẽ được xác định theo ngày chấp nhận tạm thời; ngôi thứ đó sẽ được duy trì sau khi được cấp Giấy chấp nhận lãnh sự.
3. Trật tự ngôi thứ giữa hai hoặc nhiều người đứng đầu cơ quan lãnh sự cùng được cấp Giấy chấp nhận lãnh sự hoặc được chấp nhận tạm thời trong cùng một ngày sẽ được xác định theo ngày trình Giấy uỷ nhiệm lãnh sự hoặc văn kiện tương tự hoặc thông báo nói ở khoản 3 Điều 11 cho Nước tiếp nhận.
4. Những người quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự sẽ được xếp sau tất cả những người đứng đầu cơ quan lãnh sự. Trật tự ngôi thứ giữa những người quyền đứng đầu cơ quan lãnh sự với nhau, sẽ xếp theo ngày nhận nhiệm vụ phụ trách cơ quan lãnh sự như đã ghi trong thông báo nói tại khoản 2 Điều 15.
5. Các viên chức lãnh sự danh dự là người đứng đầu cơ quan lãnh sự sẽ xếp theo mỗi hạng, sau những người

đứng đầu cơ quan lãnh sự chuyên nghiệp, theo thứ tự và các nguyên tắc ghi ở các khoản trên.

6. Những người đứng đầu cơ quan lãnh sự sẽ được xếp ngôi thứ trên các viên chức lãnh sự không có cương vị này.

Điều 17

Việc hoạt động ngoại giao của viên chức lãnh sự

1. Trong một nước mà Nước cử không có cơ quan đại diện ngoại giao và cũng không uỷ nhiệm một cơ quan đại diện ngoại giao của một nước thứ ba làm đại diện, thì với sự đồng ý Nước tiếp nhận và không ảnh hưởng đến quy chế lãnh sự của mình, một viên chức lãnh sự có thể được phép hoạt động ngoại giao. Việc viên chức lãnh sự thực hiện những hoạt động như vậy không tạo cho người đó bất kỳ cơ sở nào để đòi hỏi các quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao.

2. Sau khi đã gửi thông báo cho Nước tiếp nhận, một viên chức lãnh sự có thể hoạt động với tư cách đại diện cho Nước cử tại bất kỳ tổ chức liên Chính phủ nào. Khi hoạt động như vậy, người đó được hưởng mọi quyền ưu đãi và miễn trừ mà luật tập quán quốc tế hoặc các điều ước quốc tế dành cho một người đại diện như thế. Tuy nhiên, khi thực hiện chức năng lãnh sự, người đó không được hưởng quyền miễn trừ xét xử lớn hơn quyền miễn trừ xét xử mà một viên chức lãnh sự được hưởng theo Công ước này.

Điều 18

Việc hai hay nhiều nước bổ nhiệm cùng một người làm viên chức lãnh sự

Với sự đồng ý của Nước tiếp nhận, thì hai hoặc nhiều nước có thể bổ nhiệm cùng một người làm viên chức lãnh sự tại Nước đó.

Điều 19

Việc bổ nhiệm cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự

1. Ngoài các quy định ở Điều 20, 22 và 23, Nước cử có thể tuỳ ý bổ nhiệm cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự.

2. Nước cử phải thông báo kịp thời cho Nước tiếp nhận biết họ tên, cấp bậc và hạng của tất cả các viên chức lãnh sự, trừ người đứng đầu cơ quan lãnh sự, để nếu muốn, Nước tiếp nhận có thể thực hiện quyền của mình theo khoản 3 Điều 23.

3. Nếu luật và qui định của nước mình đòi hỏi, Nước cử có thể yêu cầu Nước tiếp nhận cấp Giấy chấp nhận lãnh sự cho một viên chức lãnh sự không phải là người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

4. Nếu luật và quy định của nước mình đòi hỏi, Nước tiếp nhận có thể cấp Giấy chấp nhận lãnh sự cho một viên chức lãnh sự không phải là người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

Điều 20

Phạm vi biên chế lãnh sự

Nếu không có thoả thuận rõ ràng về biên chế lãnh sự, Nước tiếp nhận có thể yêu cầu biên chế đó không vượt quá giới hạn mà mình coi là hợp lý và bình thường, căn cứ vào hoàn cảnh, điều kiện trong khu vực lãnh sự và các nhu cầu của cơ quan lãnh sự.

Điều 21

Ngôi thứ giữa các viên chức lãnh sự trong một cơ quan lãnh sự

Cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử hoặc nếu Nước đó không có cơ quan đại diện ngoại giao tại Nước tiếp nhận thì người đứng đầu cơ quan lãnh sự thông báo cho Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận hoặc cơ quan do Bộ ngoại giao chỉ định biết trật tự ngôi thứ giữa các viên chức lãnh sự của cơ quan lãnh sự và mọi sự thay đổi trong trật tự ngôi thứ đó.

Điều 22

Quốc tịch của viên chức lãnh sự

1. Về nguyên tắc, viên chức lãnh sự phải là người có quốc tịch Nước cử.
2. Không được cử người có quốc tịch của Nước tiếp nhận làm viên chức lãnh sự trừ khi được Nước đó đồng ý rõ ràng và bất cứ lúc nào Nước đó cũng có thể rút lại sự đồng ý ấy.
3. Nước tiếp nhận có thể dành cho mình quyền như vậy đối với công dân một Nước thứ ba không đồng thời là công dân nước cử.

Điều 23

Những người bị tuyên bố không được chấp thuận

1. Bất cứ lúc nào Nước tiếp nhận cũng có thể thông báo cho Nước cử rằng một viên chức lãnh sự là người không được hoan nghênh (persona non grata) hoặc bất kỳ là người nào khác trong số cán bộ, nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự là người không được chấp thuận. Khi đó, tùy từng trường hợp, Nước cử phải triệu hồi đương sự hoặc đình chỉ công tác của người này tại cơ quan lãnh sự.
2. Nếu Nước cử từ chối hoặc sau một khoảng thời gian hợp lý vẫn chưa thi hành nghĩa vụ của mình theo khoản 1 Điều này thì tùy từng trường hợp, Nước tiếp nhận có thể rút Giấy chấp nhận lãnh sự của Đương sự hoặc thôi không coi người đó là cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự nữa.
3. Một người được cử làm thành viên cơ quan lãnh sự có thể bị tuyên bố là người không thể chấp nhận được trước khi đến lãnh thổ Nước tiếp nhận hoặc khi đã đến rồi, nhưng chưa nhận nhiệm vụ tại cơ quan lãnh sự. Trong bất cứ trường hợp nào như vậy, Nước cử phải rút lại việc bổ nhiệm người đó.
4. Trong các trường hợp nói ở khoản 1 và 3 Điều này, Nước tiếp nhận không bắt buộc phải cho Nước cử biết lý do quyết định của mình.

Điều 24

Thông báo cho Nước tiếp nhận về việc bổ nhiệm, việc đến và đi

1. Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận hoặc cơ quan do Bộ đó chỉ định phải được thông báo về:
 - a) Việc bổ nhiệm các thành viên của một cơ quan lãnh sự, việc họ đến cơ quan lãnh sự sau khi được bổ nhiệm, việc họ đi hãn hoặc thôi công tác và bất cứ thay đổi nào khác có liên quan đến địa vị của họ trong quá trình công tác tại cơ quan lãnh sự;
 - b) Việc đến và đi hãn của một người thuộc gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự và cùng sống trong một hộ với thành viên đó, và khi thích hợp, việc một người trở thành hoặc thôi không còn là một thành viên của gia đình đó nữa;
 - c) Việc đến và đi hãn của các nhân viên phục vụ riêng và khi thích hợp, việc họ thôi không làm việc với tư cách này nữa;
 - d) Việc tuyển dụng và thải hồi thành viên cơ quan lãnh sự hoặc nhân viên phục vụ riêng là những người cư trú ở Nước tiếp nhận và được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ.
2. Khi có thể được, việc đến và đi hãn phải được thông báo trước.

PHẦN II CHẤM DỨT CHỨC NĂNG LÃNH SỰ

Điều 25

Việc chấm dứt chức năng của một thành viên cơ quan lãnh sự

Ngoài các quy định khác, chức năng của một thành viên cơ quan lãnh sự sẽ chấm dứt:

- a) Khi Nước cử thông báo cho Nước tiếp nhận biết chức năng của người đó đã chấm dứt;
- b) Khi người đó bị thu hồi Giấy chấp nhận lãnh sự;
- c) Khi Nước tiếp nhận thông báo cho Nước cử biết Nước tiếp nhận không còn coi người đó là cán bộ nhân viên chế cơ quan lãnh sự nữa.

Điều 26

Việc rời lãnh thổ Nước tiếp nhận

Nước tiếp nhận phải bảo đảm, ngay cả trong trường hợp xảy ra xung đột vũ trang, cho thành viên cơ quan lãnh sự và các nhân viên phục vụ riêng không có quốc tịch nước mình, cũng như thành viên gia đình sống chung trong cùng hộ với họ, không phân biệt quốc tịch, có thời gian và những điều kiện dễ dàng cần thiết để họ có thể chuẩn bị rời và lên đường trong thời hạn sớm nhất sau khi những người đó chấm dứt chức năng của mình. Đặc biệt là trong trường hợp cần thiết, Nước tiếp nhận phải cung cấp cho họ phương tiện vận tải cần thiết để chở người và tài sản, trừ những tài sản có được ở Nước tiếp nhận đang bị cấm xuất khẩu khi họ rời đi.

Điều 27

Việc bảo vệ trụ sở và hồ sơ lưu trữ lãnh sự, bảo vệ quyền lợi của Nước cử trong những hoàn cảnh đặc biệt

1. Trong những trường hợp quan hệ lãnh sự giữa hai nước bị cắt đứt:

- a) Nước tiếp nhận phải tôn trọng và bảo vệ trụ sở cùng tài sản và hồ sơ lưu trữ của cơ quan lãnh sự, ngay cả trong trường hợp xảy ra xung đột vũ trang.
- b) Nước cử có thể uỷ nhiệm cho một Nước thứ ba trông coi trụ sở cơ quan lãnh sự cùng tài sản trong đó và hồ sơ lưu trữ lãnh sự nếu được Nước tiếp nhận chấp thuận.
- c) Nước cử có thể uỷ nhiệm việc bảo vệ quyền lợi của mình và của công dân mình cho một Nước thứ ba nếu được Nước tiếp nhận chấp thuận.

2. Trong trường hợp một cơ quan lãnh sự đóng cửa tạm thời hay vĩnh viễn, các quy định ở tiết (a) khoản 1 Điều này sẽ được áp dụng. Ngoài ra:

- a) Nếu Nước cử không có cơ quan đại diện ngoại giao ở Nước tiếp nhận nhưng có một cơ quan lãnh sự khác trên lãnh thổ Nước đó thì cơ quan lãnh sự này có thể được uỷ nhiệm trông coi trụ sở của cơ quan lãnh sự đã đóng cửa, cùng tài sản trong đó và hồ sơ lãnh sự, và nếu được Nước tiếp nhận đồng ý, thì có thể thực hiện chức năng lãnh sự trong khu vực lãnh sự của cơ quan lãnh sự đã đóng cửa; hoặc
- b) Nếu Nước cử không có cơ quan đại diện ngoại giao và không có cơ quan lãnh sự nào khác tại Nước tiếp nhận thì các quy định ở tiết (b) và (c) khoản 1 Điều này sẽ được áp dụng.

CHƯƠNG II

NHỮNG SỰ DỄ DÀNG, QUYỀN ƯU ĐÃI VÀ MIỄN TRỪ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ QUAN LÃNH SỰ, VIÊN CHỨC LÃNH SỰ CHUYÊN NGHIỆP VÀ CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA CƠ QUAN LÃNH SỰ

PHẦN 1

NHỮNG SỰ DỄ DÀNG, QUYỀN ƯU ĐÃI VÀ MIỄN TRỪ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ QUAN LÃNH SỰ

Điều 28

Những sự dễ dàng cho hoạt động của cơ quan lãnh sự

Những tiếp nhận dành mọi sự dễ dàng cho cơ quan lãnh sự để thực hiện chức năng của mình.

Điều 29

Sử dụng quốc kỳ và quốc huy

1. Nước cử có quyền sử dụng quốc kỳ và quốc huy của mình tại Nước tiếp nhận theo những quy định ở Điều này.
2. Quốc kỳ và quốc huy của Nước cử có thể được treo trên toà nhà ở cửa ra vào trụ sở cơ quan lãnh sự, trên nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự và trên các phương tiện giao thông của người đứng đầu cơ quan lãnh sự, khi những phương tiện này được sử dụng cho công việc chính thức.
3. Trong việc thực hiện quyền ghi ở Điều này, cần phải tôn trọng luật, quy định này và tập quán của Nước tiếp nhận.

Điều 30

Nhà ở

1. Phù hợp với luật và các quy định của nước mình, Nước tiếp nhận phải tạo điều kiện dễ dàng để Nước cử có được trụ sở cần thiết cho cơ quan lãnh sự trên lãnh thổ của mình hoặc phải giúp đỡ để Nước cử có được trụ sở đó bằng cách khác.
2. Khi cần thiết, Nước tiếp nhận cũng phải giúp cơ quan lãnh sự để có được nhà ở thích hợp cho thành viên cơ quan lãnh sự.

Điều 31

Sự bất khả xâm phạm của trụ sở cơ quan lãnh sự

1. Trụ sở cơ quan lãnh sự là bất khả xâm phạm trong phạm vi quy định của Điều này.
2. Nhà chức trách Nước tiếp nhận không được vào phần trụ sở chỉ dùng làm việc của cơ quan lãnh sự trừ khi có sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan lãnh sự hoặc của người do người đứng đầu cơ quan đó chỉ định hoặc của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của Nước cử. Tuy nhiên, trong trường hợp xảy ra hoả hoạn hoặc thiên tai khác cần có biện pháp bảo vệ gấp rút thì có thể giả định là người đứng đầu cơ quan lãnh sự đồng ý.
3. Trừ các quy định ở khoản 2 Điều này, Nước tiếp nhận có nghĩa vụ đặc biệt thi hành mọi biện pháp thích đáng để bảo vệ trụ sở cơ quan lãnh sự chống lại mọi sự xâm nhập hoặc phá hoại và ngăn ngừa mọi sự phá rối sự yên tĩnh hoặc làm tổn hại đến sự tôn nghiêm của cơ quan lãnh sự.
4. Trụ sở, đồ đạc, tài sản và các phương tiện giao thông của cơ quan lãnh sự sẽ không bị trưng dụng dưới bất kỳ hình thức nào vào các mục đích quốc phòng hoặc lợi ích công cộng, nếu vì những mục đích đó việc trưng mua là cần thiết, thì phải áp dụng mọi biện pháp có thể để tránh cản trở việc thực hiện chức năng lãnh sự và phải bồi thường một cách nhanh chóng, thích đáng và có hiệu quả cho Nước cử.

Điều 32

Việc miễn thuế đối với trụ sở cơ quan lãnh sự

1. Trụ sở cơ quan lãnh sự và nhà ở của người đứng đầu cơ quan lãnh sự là viên chức lãnh sự chuyên nghiệp, do Nước cử hoặc người thay mặt nước đó sở hữu hoặc thuê được miễn mọi thứ thuế và lệ phí của Nhà nước, địa phương hoặc thành phố, trừ những khoản tiền trả cho các công việc phục vụ.
2. Việc miễn thuế nêu ở khoản 1 Điều này không áp dụng cho những thứ thuế và lệ phí mà theo luật và quy định của Nước tiếp nhận, người ký hợp đồng với Nước cử hoặc với người thay mặt Nước đó phải trả.

Điều 33

Sự bất khả xâm phạm của hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự

Hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự là bất khả xâm phạm bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu.

Điều 34

Tự do đi lại

Trừ các khu vực cấm hoặc hạn chế đi lại vì lý do an ninh quốc gia theo luật và quy định của Nước tiếp nhận phải đảm bảo cho tất cả các thành viên cơ quan lãnh sự được tự do di chuyển và đi lại trên lãnh thổ nước mình.

Điều 35

Tự do liên lạc

1. Nước tiếp nhận cho phép và bảo vệ sự tự do liên lạc của cơ quan lãnh sự vì mọi mục đích chính thức. Trong việc liên lạc với Chính phủ, với các cơ quan đại diện ngoại giao và các cơ quan lãnh sự khác của Nước cử đóng ở bất cứ chỗ nào, cơ quan lãnh sự có thể dùng mọi phương tiện thích hợp, kể cả giao thông viên ngoại giao hoặc giao thông viên lãnh sự, túi ngoại giao hoặc túi lãnh sự và điện mật mã. Tuy nhiên, cơ quan lãnh sự chỉ có thể đặt và dùng máy vô tuyến điện phát tin khi được Nước tiếp nhận đồng ý.
2. Thư từ chính thức của cơ quan lãnh sự là bất khả xâm phạm. Thư từ chính thức nghĩa là mọi thư từ liên quan đến cơ quan lãnh sự và chức năng của cơ quan đó.
3. Túi lãnh sự không bị mở ra hoặc giữ lại. Tuy nhiên, nếu các nhà chức trách có thẩm quyền của Nước tiếp nhận có lý do chính đáng để tin rằng túi có chứa những đồ vật khác ngoài thư từ, tài liệu hay các đồ vật nêu ở khoản 4 Điều này, thì họ có thể yêu cầu một người đại diện có thẩm quyền của Nước cử mở túi trước mặt họ. Nếu các nhà chức trách Nước cử từ chối yêu cầu thì túi sẽ phải gửi trả về nơi xuất phát.
4. Các gói tạo thành túi lãnh sự phải có dấu hiệu bên ngoài rõ ràng chỉ tính chất của gói đó và chỉ được chứa thư từ và tài liệu chính thức.
5. Giao thông viên lãnh sự phải được cấp một giấy chính thức ghi rõ địa vị của mình và số lượng gói tạo thành túi lãnh sự. Trừ khi được sự đồng ý của Nước tiếp nhận, giao thông viên lãnh sự không được là công dân Nước tiếp nhận hoặc người thường trú ở nước đó nếu người thường trú này không là công dân Nước cử. Trong khi thừa hành chức năng, giao thông viên lãnh sự được Nước tiếp nhận bảo vệ, được hưởng quyền bất khả xâm phạm về thân thể và không thể bị bắt hay bị giữ dưới bất cứ hình thức nào.
6. Nước cử, các cơ quan đại diện ngoại giao và các cơ quan lãnh sự của nước đó có thể chỉ định những giao thông viên lãnh sự ad hoc (được chỉ định theo từng việc). Trong những trường hợp như thế các quy định ở khoản 5 Điều này cũng sẽ được áp dụng, chỉ có khác là các quyền miễn trừ ghi trong khoản đó sẽ thôi áp dụng sau khi người giao thông viên giao xong túi lãnh sự do mình phụ trách cho người nhận.
7. Có thể giao túi lãnh sự cho thuyền trưởng một tàu thủy hoặc người chỉ huy một tàu bay thương mại dự kiến đến một cửa khẩu quy định. Người đó phải mang theo giấy tờ chính thức ghi rõ số lượng gói tạo thành túi lãnh sự, nhưng người đó không được coi là giao thông viên lãnh sự. Cơ quan lãnh sự có thể thu xếp với nhà chức trách địa phương có thẩm quyền để cử một thành viên cơ quan lãnh sự đến nhận túi lãnh sự một cách trực tiếp và tự do từ thuyền trưởng tàu thủy hoặc người chỉ huy tàu bay.

Điều 36

Liên lạc và tiếp xúc với công dân Nước cử

1. Nhằm tạo thuận lợi cho việc thi hành các chức năng lãnh sự liên quan đến công dân Nước cử:
 - a) Viên chức lãnh sự được tự do liên lạc với công dân Nước cử và tiếp xúc với họ. Công dân Nước cử cũng

được quyền tự do như vậy trong việc liên lạc và tiếp xúc với viên chức lãnh sự của Nước cử;

b) Nếu đương sự yêu cầu, nhà chức trách có thẩm quyền của Nước tiếp nhận sẽ báo ngay cho cơ quan lãnh sự của Nước cử biết là trong khu vực lãnh sự của cơ quan này có công dân của Nước cử bị bắt, bị tù, bị tạm giam chờ xét xử hoặc bị tạm giữ dưới bất kỳ hình thức nào khác. Nhà chức trách nói trên cũng sẽ chuyển ngay mọi thông tin mà người bị bắt, bị tù, bị tạm giam hoặc tạm giữ gửi cho cơ quan lãnh sự. Nhà chức trách nói trên cũng sẽ báo ngay cho đương sự biết những quyền mà họ được hưởng theo mục này;

c) Viên chức lãnh sự có quyền đến thăm công dân của Nước cử đang bị tù, tạm giam hoặc tạm giữ; nói chuyện, liên lạc thư từ và thu xếp việc đại diện pháp lý cho người đó. Trong khu vực lãnh sự của mình, viên chức lãnh sự cũng có quyền đến thăm bất cứ công dân nào của Nước cử đang bị tù, bị tạm giam hoặc tạm giữ theo một bản án. Tuy nhiên, viên chức lãnh sự phải kiềm chế hành động thay mặt cho công dân đang bị tù, bị tạm giam hoặc tạm giữ nếu người đó phản đối rõ ràng việc làm như vậy.

2. Các quyền ghi ở khoản 1 Điều này phải được thực hiện theo đúng luật và các quy định của Nước tiếp nhận, với điều kiện là luật và các quy định đó phải tạo điều kiện để thực hiện đầy đủ các mục đích của những quyền quy định tại Điều này.

Điều 37

Việc thông báo khi có người chết, cử người giám hộ hoặc đỡ đầu, khi đắm tàu và tai nạn hàng không
Nếu nhà chức trách có thẩm quyền của Nước tiếp nhận có được tin tức liên quan, thì họ có nghĩa vụ:

a) Thông báo ngay cho cơ quan lãnh sự biết khi có công dân của Nước cử chết trong khu vực lãnh sự;

b) Thông báo ngay cho cơ quan lãnh sự có thẩm quyền về bất kỳ trường hợp nào cản trở người giám hộ hoặc đỡ đầu cho người vị thành niên hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi là công dân Nước cử. Tuy nhiên, việc thông báo này không được ảnh hưởng đến việc áp dụng luật và quy định của Nước tiếp nhận về việc cử người giám hộ hoặc đỡ đầu;

c) Thông báo ngay cho cơ quan lãnh sự gần nhất nơi xảy ra sự việc nếu có một tàu thủy mang quốc tịch Nước cử bị đắm hoặc mắc cạn trong lãnh hải hoặc nội thủy của Nước tiếp nhận, hoặc nếu có một máy bay đăng ký ở Nước cử bị nạn trên lãnh thổ Nước tiếp nhận.

Điều 38

Liên lạc với nhà chức trách Nước tiếp nhận

Trong khi thi hành chức năng, viên chức lãnh sự có thể liên hệ với:

a) Nhà chức trách địa phương có thẩm quyền của khu vực lãnh sự.

b) Nhà chức trách trung ương có thẩm quyền của Nước tiếp nhận nếu và trong chừng mực luật, quy định và tập quán của nước này hoặc các điều ước quốc tế có liên quan cho phép.

Điều 39

Lệ phí lãnh sự

1. Trên lãnh thổ của Nước tiếp nhận, cơ quan có lãnh sự có thể thu phí và lệ phí theo luật và các quy định của Nước cử đối với các công việc lãnh sự.

2. Số tiền thu dưới hình thức phí và lệ phí nói ở khoản 1 Điều này và thu nhập từ phí và lệ phí được miễn mọi thứ thuế và lệ phí ở Nước tiếp nhận.

PHẦN II

NHỮNG SỰ DỄ DÀNG, QUYỀN ƯU ĐÃI VÀ QUYỀN MIỄN TRỪ LIÊN QUAN ĐẾN VIÊN CHỨC LÃNH SỰ CHUYÊN NGHIỆP VÀ CÁC THÀNH VIÊN KHÁC CỦA CƠ QUAN LÃNH SỰ

Điều 40

Bảo vệ viên chức lãnh sự

Nước tiếp nhận phải đối xử với các viên chức lãnh sự bằng sự tôn trọng thích đáng và thi hành mọi biện pháp thích hợp để ngăn ngừa bất kỳ sự xâm phạm vào đối với thân thể, tự do và phẩm cách của họ.

Điều 41

Sự bất khả xâm phạm về thân thể viên chức lãnh sự

1. Viên chức lãnh sự không bị bắt hay bị tạm giam chờ xét xử, trừ trường hợp phạm tội nghiêm trọng và theo quyết định của cơ quan tư pháp có thẩm quyền.
2. Ngoài trường hợp nêu ở khoản 1 Điều này, viên chức lãnh sự không bị bỏ tù hay hạn chế tự do cá nhân dưới bất cứ hình thức nào, trừ phi phải thi hành một quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan tư pháp.
3. Nếu một quá trình tố tụng hình sự được tiến hành đối với một viên chức lãnh sự thì người đó phải ra trước nhà chức trách có thẩm quyền. Tuy nhiên, vì cương vị chính thức của viên chức lãnh sự, quá trình tố tụng đối với người này phải được tiến hành với sự tôn trọng thích đáng và phải tiến hành sao cho càng ít gây trở ngại đến việc thực hiện chức năng lãnh sự càng tốt, trừ trường hợp nêu ở khoản 1 của Điều này. Khi cần phải tạm giam một viên chức lãnh sự trong hoàn cảnh nêu ở khoản 1 Điều này, việc tiến hành tố tụng đối với người đó phải tiến hành trong thời gian sớm nhất.

Điều 42

Thông báo về việc bắt, tạm giam hoặc truy tố

Trong trường hợp bắt hoặc tạm giam chờ xét xử hoặc truy tố về hình sự một cán bộ nhân viên biên chế cơ quan lãnh sự, Nước tiếp nhận phải nhanh chóng thông báo cho người đứng đầu cơ quan lãnh sự. Nếu chính bản thân người đó là đối tượng của một biện pháp như vậy, thì Nước tiếp nhận phải thông báo cho Nước cử qua đường ngoại giao.

Điều 43

Quyền miễn trừ xét xử

1. Viên chức lãnh sự và nhân viên lãnh sự không chịu sự xét xử của nhà chức trách tư pháp hoặc hành chính của Nước tiếp nhận về các hành vi thực hiện khi thi hành chức năng lãnh sự.
2. Tuy nhiên, những quy định ở khoản 1 Điều này không áp dụng đối với một vụ kiện dân sự:
 - a) Xảy ra vì một hợp đồng do một viên chức lãnh sự hoặc một nhân viên lãnh sự ký kết mà không phải là rõ ràng hoặc hàm ý đứng trên danh nghĩa một người được uỷ quyền của Nước cử để ký kết; hoặc
 - b) Do một bên thứ ba tiến hành về thiệt hại do một tai nạn xe cộ, tàu thủy hoặc tàu bay xảy ra tại Nước tiếp nhận.

Điều 44

Nghĩa vụ cung cấp chứng cứ

1. Thành viên một cơ quan lãnh sự có thể được mời tham gia quá trình tiến hành tố tụng về tư pháp hoặc hành chính với tư cách là nhân chứng. Nhân viên lãnh sự hoặc nhân viên phục vụ không được từ chối cung

cấp chứng cứ, trừ các trường hợp ghi ở khoản 3 Điều này. Nếu một viên chức lãnh sự từ chối cung cấp chứng cứ, thì không được áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc hình phạt đối với người đó.

2. Cơ quan yêu cầu viên chức lãnh sự cung cấp chứng cứ phải tránh làm trở ngại việc thi hành chức năng của người đó. Nếu được, có thể lấy lời khai tại nhà riêng hoặc tại cơ quan lãnh sự hoặc nhận một bản khai viết của viên chức lãnh sự.

3. Thành viên một cơ quan lãnh sự không bắt buộc phải cung cấp chứng cứ về các vấn đề có liên quan đến việc thi hành chức năng của mình hoặc phải cung cấp thư từ chính thức và các tài liệu có liên quan khác. Họ cũng có quyền từ chối cung cấp chứng cứ với tư cách là người làm chứng chuyên môn về pháp luật của Nước cử.

Điều 45

Việc từ bỏ các quyền ưu đãi và miễn trừ

1. Đối với một thành viên cơ quan lãnh sự, Nước cử có thể từ bỏ bất cứ quyền ưu đãi và miễn trừ nào quy định ở các Điều 41, 43 và 44.

2. Trong mọi trường hợp, việc từ bỏ phải rõ ràng, trừ quy định của khoản 3 Điều này và phải được thông báo bằng văn bản cho Nước tiếp nhận.

3. Khi một viên chức lãnh sự hoặc một nhân viên lãnh sự tiến hành khởi kiện về một vấn đề mà người đó có thể được hưởng quyền miễn trừ xét xử theo Điều 43, thì người đó không được viện dẫn quyền miễn trừ xét xử nữa khi có sự phản kiện liên quan trực tiếp đến vụ kiện đó.

4. Việc từ bỏ quyền miễn trừ xét xử về một vụ kiện dân sự hay hành chính không được coi như bao hàm cả việc bỏ quyền miễn trừ đối với các biện pháp thi hành án; về việc này, cần phải có sự từ bỏ riêng.

Điều 46

Miễn đăng ký ngoại kiều và giấy phép cư trú

1. Viên chức lãnh sự, nhân viên lãnh sự và những thành viên gia đình họ cùng sống trong hộ được miễn mọi nghĩa vụ theo luật và các quy định của Nước tiếp nhận đối với việc đăng ký ngoại kiều và giấy phép cư trú.

2. Tuy nhiên, những quy định trong khoản 1 Điều này không áp dụng đối với bất cứ nhân viên nào không thuộc biên chế chính thức của Nước cử hoặc có hoạt động cá nhân sinh lợi ở Nước tiếp nhận hay đối với bất kỳ thành viên gia đình nào của nhân viên đó.

Điều 47

Miễn giấy phép lao động

1. Đối với những công việc phục vụ cho Nước cử, thành viên cơ quan lãnh sự được miễn mọi nghĩa vụ về giấy phép lao động mà luật và quy định của Nước tiếp nhận đặt ra đối với việc sử dụng lao động nước ngoài.

2. Nhân viên phục vụ riêng của viên chức lãnh sự và của nhân viên lãnh sự, nếu không có hoạt động cá nhân sinh lợi khác tại Nước tiếp nhận, thì được miễn các nghĩa vụ nói ở khoản 1 Điều này.

Điều 48

Miễn bảo hiểm xã hội

1. Trừ những quy định tại khoản 3 Điều này, thành viên các cơ quan lãnh sự đối với những việc phục vụ cho Nước cử - và những thành viên gia đình họ cùng sống trong một hộ, được miễn các quy định về bảo hiểm xã hội có thể đang có hiệu lực tại Nước tiếp nhận.

2. Việc miễn trừ quy định tại khoản 1 Điều này cũng áp dụng cho những nhân viên phục vụ riêng chỉ giúp việc cho các thành viên cơ quan lãnh sự, với điều kiện:

- a) Họ không phải là công dân của Nước tiếp nhận hoặc không thường trú ở đó; và
 - b) Họ đang tuân thủ các quy định về bảo hiểm xã hội hiện hành ở Nước cử hoặc ở một Nước thứ ba.
3. Những thành viên cơ quan lãnh sự có thuê những người không được miễn trừ theo khoản 2 Điều này, phải tuân thủ những nghĩa vụ mà các quy định về bảo hiểm xã hội ở Nước tiếp nhận đặt ra đối với những người thuê lao động.
4. Việc miễn trừ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này sẽ không loại trừ việc tự nguyện tham gia chế độ bảo hiểm xã hội của Nước tiếp nhận, với điều kiện là việc tham gia đó được Nước tiếp nhận cho phép.

Điều 49

Miễn thuế

1. Các viên chức lãnh sự, nhân viên lãnh sự và các thành viên gia đình họ cùng sống trong một hộ được miễn mọi thứ thuế và lệ phí về nhân thân hay tài sản do nhà nước, địa phương hoặc thành phố thu, trừ:
- a) Thuế gián thu thuộc loại thường được gộp vào giá hàng hoá hay dịch vụ;
 - b) Thuế và lệ phí đánh vào bất động sản của tư nhân trên lãnh thổ Nước tiếp nhận, trừ những quy định ở Điều 32;
 - c) Thuế do Nước tiếp nhận đánh vào tài sản thừa kế, việc thừa kế và việc chuyển nhượng tài sản, trừ các quy định ở khoản (b) Điều 51;
 - d) Thuế và lệ phí đánh vào thu nhập cá nhân, bao gồm thu nhập từ vốn đầu tư có nguồn gốc ở Nước tiếp nhận và thuế đánh vào khoản vốn đầu tư trong những hoạt động thương mại hoặc tài chính ở Nước tiếp nhận;
 - e) Khoản thu đối với những dịch vụ riêng biệt;
 - f) Lệ phí đăng ký, lệ phí toà án hoặc hồ sơ, lệ phí thế chấp và tiền tem trừ những quy định của Điều 32.
2. Các nhân viên phục vụ được miễn thuế và lệ phí đánh vào tiền công phục vụ của họ.
3. Thành viên cơ quan lãnh sự có thuê người làm mà tiền lương hay tiền công của họ không được miễn thuế thu nhập ở Nước tiếp nhận, thì thành viên đó phải tuân thủ các nghĩa vụ do luật và quy định của Nước tiếp nhận đặt ra đối với người thuê lao động liên quan đến việc thu thuế thu nhập.

Điều 50

Miễn thuế quan và miễn kiểm tra hải quan

1. Theo đúng luật và các quy định mà mình có thể đặt ra, Nước tiếp nhận cho phép nhập và miễn tất cả các loại thuế quan và lệ phí có liên quan, trừ phí bảo quản, cước vận chuyển và phí thu về những việc phục vụ tương tự, đối với:
- a) Các đồ dùng chính thức của cơ quan lãnh sự;
 - b) Các vật dụng cá nhân của viên chức lãnh sự hoặc của các thành viên gia đình cùng sống trong một hộ với viên chức lãnh sự, kể cả những vật dụng để tạo lập chỗ ở của người đó. Những vật phẩm để tiêu dùng không được vượt quá số lượng cần thiết cho việc sử dụng tiếp của những người này.
2. Các nhân viên lãnh sự được hưởng các quyền ưu đãi và quyền miễn thuế quy định ở khoản 1 Điều này đối với những đồ dùng nhập khẩu để tạo lập nơi ở lần đầu.
3. Hành lý cá nhân mang theo của viên chức lãnh sự và của thành viên gia đình cùng sống trong một hộ, được miễn kiểm tra hải quan. Chỉ có thể kiểm tra hành lý đó khi có lý do chính đáng để tin rằng bên trong có chứa những đồ vật khác với những đồ vật nói ở mục (b) khoản 1 Điều này, hoặc những đồ vật mà luật và quy định của Nước tiếp nhận cấm nhập hoặc xuất khẩu hoặc những đồ vật phải tuân theo luật quy định về

phòng dịch. Việc kiểm tra này phải được tiến hành với sự có mặt của viên chức lãnh sự hoặc của thành viên gia đình viên chức lãnh sự đó.

Điều 51

Di sản của một thành viên cơ quan lãnh sự hoặc một thành viên gia đình người đó

Trong trường hợp một thành viên cơ quan lãnh sự hoặc một thành viên gia đình cùng sống trong một hộ với người đó chết, Nước tiếp nhận:

a) Cho phép xuất khẩu động sản của người chết, trừ các tài sản có được ở Nước tiếp nhận mà bị cấm xuất khẩu vào thời điểm người đó chết;

b) Sẽ không thu cá khoản thuế về di sản, thừa kế và chuyển nhượng do Nhà nước, địa phương hoặc thành phố đánh vào các động sản sở dĩ có ở Nước tiếp nhận là do có sự có mặt của người chết ở nước đó với tư cách là một thành viên cơ quan lãnh sự hoặc là thành viên gia đình của một thành viên cơ quan lãnh sự.

Điều 52

Miễn phục vụ và đóng góp cá nhân

Nước tiếp nhận miễn cho các thành viên cơ quan lãnh sự và thành viên gia đình cùng sống trong một hộ với họ mọi đóng góp cá nhân và phục vụ công cộng dưới mọi hình thức cũng như những nghĩa vụ đối với quân đội như trưng dụng, đóng góp về quân sự và cho đóng quân trong nhà mình.

Điều 53

Bắt đầu và chấm dứt các quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự

1. Mọi thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng những quyền ưu đãi và miễn trừ quy định trong Công ước này kể từ khi họ nhập cảnh vào lãnh thổ Nước tiếp nhận để nhận chức hoặc nếu họ đã ở trên lãnh thổ nước đó thì kể từ khi họ bắt đầu nhiệm vụ của mình ở cơ quan lãnh sự.

2. Những thành viên gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự cùng sống trong hộ và những nhân viên phục vụ riêng của người đó được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ quy định trong Công ước này kể từ ngày muộn nhất trong những ngày sau: ngày mà thành viên cơ quan lãnh sự được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ phù hợp với khoản 1 Điều này; ngày những người đó nhập cảnh lãnh thổ Nước tiếp nhận; ngày họ trở thành thành viên gia đình hoặc nhân viên phục vụ riêng của thành viên cơ quan lãnh sự.

3. Khi một thành viên cơ quan lãnh sự kết thúc chức năng của mình, thì quyền ưu đãi và miễn trừ của người đó, của các thành viên gia đình cùng sống trong hộ và của nhân viên phục vụ riêng thường là chấm dứt kể từ thời điểm sớm nhất trong những thời điểm sau: thời điểm khi thành viên cơ quan lãnh sự rời khỏi Nước tiếp nhận hoặc khi kết thúc một thời hạn hợp lý dành cho việc rời đi, nhưng những quyền ưu đãi và miễn trừ còn tồn tại cho đến thời điểm đó, ngay cả trong trường hợp có xung đột vũ trang. Đối với trường hợp những người nói ở khoản 2 Điều này, họ sẽ thôi không được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ, khi họ không còn là người trong hộ gia đình hoặc không còn giúp việc cho một thành viên cơ quan lãnh sự, tuy nhiên nếu sau đó những người này dự định rời khỏi Nước tiếp nhận trong một thời gian hợp lý, thì họ còn được hưởng quyền ưu đãi và miễn trừ cho đến lúc rời hẳn.

4. Tuy nhiên, đối với những hành động của một viên chức lãnh sự hoặc một nhân viên lãnh sự trong khi thi hành chức năng thì quyền miễn trừ xét xử sẽ tiếp tục tồn tại mà không bị hạn chế về thời gian.

5. Trong trường hợp một thành viên cơ quan lãnh sự chết, thì những thành viên gia đình cùng sống trong hộ với người đó vẫn tiếp tục được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ của mình cho đến ngày sớm nhất trong những ngày sau đây: ngày rời khỏi Nước tiếp nhận hoặc ngày cuối cùng của một thời gian hợp lý để rời khỏi nước đó.

Điều 54

Nghĩa vụ của nước thứ ba

1. Nếu trên đường đi nhận nhiệm vụ hoặc trở về nhiệm sở công tác của mình, hoặc trên đường về Nước cử, một viên chức lãnh sự quá cảnh hoặc lưu lại ở một Nước thứ ba, khi đã được nước này cấp thị thực - nếu cần có thị thực - thì Nước thứ ba đó phải dành cho viên chức lãnh sự mọi quyền miễn trừ quy định trong các điều khoản khác của Công ước này mà có thể cần phải có để đảm bảo việc quá cảnh hoặc trở về của viên chức lãnh sự. Quy định này được áp dụng tương tự đối với các thành viên gia đình sống trong cùng một hộ với viên chức lãnh sự nếu họ cũng được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ và cùng đi với viên chức lãnh sự hoặc đi riêng để sang theo viên chức đó hoặc để trở về Nước cử.
2. Trong những hoàn cảnh tương tự như hoàn cảnh nêu ở khoản 1 Điều này, các Nước thứ ba không được cản trở việc quá cảnh lãnh thổ nước mình của các thành viên khác của cơ quan lãnh sự hoặc của thành viên gia đình sống trong cùng hộ với họ.
3. Các Nước thứ ba phải dành quyền tự do và sự bảo vệ - như Nước tiếp nhận phải dành theo Công ước này - cho thư từ và các liên lạc chính thức khác trong khi quá cảnh, kể cả các bức điện bằng mật mã. Trong khi quá cảnh các Nước thứ ba phải dành quyền bất khả xâm phạm và sự bảo vệ - như Nước tiếp nhận phải dành theo Công ước này - cho giao thông viên lãnh sự đã được cấp thị thực - nếu cần có thị thực - và túi lãnh sự.
4. Những nghĩa vụ của các Nước thứ ba quy định ở các khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với những người lần lượt nói đến trong các khoản đó, đối với những sự liên lạc chính thức và túi lãnh sự mà vì trường hợp bất khả kháng, có mặt trên lãnh thổ Nước thứ ba.

Điều 55

Tôn trọng luật và quy định của Nước tiếp nhận

1. Không ảnh hưởng đến những quyền ưu đãi và miễn trừ của mình, tất cả những người được hưởng những quyền ưu đãi và miễn trừ đều có nghĩa vụ tôn trọng luật và các quy định của Nước tiếp nhận. Họ cũng có nghĩa vụ không can thiệp vào công việc nội bộ của Nước đó.
2. Không được dùng trụ sở cơ quan lãnh sự một cách không phù hợp với việc thi hành chức năng lãnh sự.
3. Những quy định ở khoản 2 Điều này không loại trừ khả năng đặt trụ sở những cơ quan lãnh sự hoặc tổ chức khác ở một phần của toà nhà mà trong đó cơ quan lãnh sự đặt trụ sở, nghĩa là những trụ sở đó phải tách riêng với trụ sở cơ quan lãnh sự. Trong trường hợp như vậy, vì mục đích của Công ước này, các trụ sở nói trên không được coi là một bộ phận của trụ sở cơ quan lãnh sự.

Điều 56

Bảo hiểm đối với những thiệt hại gây ra cho bên thứ ba

Thành viên cơ quan lãnh sự phải tuân theo mọi nghĩa vụ mà luật và các quy định của Nước tiếp nhận đặt ra đối với vấn đề bảo hiểm những thiệt hại gây ra cho việc sử dụng xe cộ, tàu thủy hoặc tàu bay.

Điều 57

Quy định đặc biệt về hoạt động cá nhân sinh lời

1. Viên chức lãnh sự chuyên nghiệp không được hoạt động nghề nghiệp hoặc thương mại ở Nước tiếp nhận để kiếm lời cho cá nhân.
2. Những quyền ưu đãi và miễn trừ quy định ở Chương này không áp dụng với:
 - a) Nhân viên lãnh sự hoặc nhân viên phục vụ có hoạt động cá nhân sinh lợi ở Nước tiếp nhận;
 - b) Những thành viên trong gia đình của một người nêu ở tiết (a) của khoản này hoặc những nhân viên phục vụ riêng của người đó;

c) Những thành viên gia đình của một thành viên cơ quan lãnh sự mà bản thân họ có hoạt động cá nhân sinh lợi ở Nước tiếp nhận.

CHƯƠNG III

CHẾ ĐỘ ÁP DỤNG CHO VIÊN CHỨC LÃNH SỰ DANH DỰ VÀ CÁC CƠ QUAN LÃNH SỰ DO HỌ ĐÚNG ĐẦU

Điều 58

1. Các Điều 28, 29, 30, 34, 35, 36, 37, 38 và 39, khoản 3 của Điều 54 và các khoản 2 và 3 Điều 55 sẽ áp dụng đối với các cơ quan lãnh sự do một viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu. Ngoài ra, những sự dễ dàng, quyền ưu đãi và miễn trừ của những cơ quan lãnh sự này sẽ do các Điều 59, 60, 61, và 62 điều chỉnh.
2. Các Điều 42, 43, khoản 3 Điều 44, các Điều 45, 53 và khoản 1 Điều 55 áp dụng với viên chức lãnh sự danh dự. Ngoài ra, những sự dễ dàng, quyền ưu đãi và miễn trừ của những viên chức lãnh sự đó do các Điều 63, 64, 65, 66 và 67 điều chỉnh.
3. Những quyền ưu đãi và miễn trừ quy định trong Công ước này sẽ không áp dụng cho những thành viên gia đình một viên chức lãnh sự danh dự hoặc một nhân viên lãnh sự làm việc tại một cơ quan lãnh sự do một viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu.
4. Hai cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu ở hai Nước khác nhau không được trao đổi tui lãnh sự cho nhau nếu không được sự đồng ý của Hai nước tiếp nhận hữu quan.

Điều 59

Bảo vệ trụ sở cơ quan lãnh sự

Nước tiếp nhận áp dụng mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ trụ sở cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu chống mọi sự xâm nhập hoặc làm hư hại và ngăn chặn mọi sự quấy rối yên tĩnh hoặc làm tổn hại đến sự tôn nghiêm của cơ quan lãnh sự.

Điều 60

Miễn thuế đối với trụ sở cơ quan lãnh sự

1. Trụ sở cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu thuộc quyền sở hữu của Nước cử hoặc do Nước cử thuê sẽ được miễn các loại thuế và lệ phí của nhà nước, địa phương hoặc thành phố, trừ những khoản tiền trả cho những công việc cụ thể.
2. Việc miễn thuế quy định ở khoản 1 Điều này không áp dụng đối với những thứ thuế và lệ phí mà theo luật và quy định của Nước tiếp nhận, người ký hợp đồng với Nước cử phải trả.

Điều 61

Sự bất khả xâm phạm của hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự

Hồ sơ lưu trữ và tài liệu lãnh sự của cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu là bất khả xâm phạm vào bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, miễn là chúng được để riêng không lẫn lộn với các giấy tờ và tài liệu khác, đặc biệt là không để lẫn lộn với thư từ riêng của người đứng đầu cơ quan lãnh sự và bất cứ người nào làm việc với người đó cũng như không lẫn lộn với các tư liệu, sách hoặc tài liệu có liên quan đến nghề nghiệp hoặc hoạt động thương mại của họ.

Điều 62

Miễn thuế quan

Phù hợp với luật và các quy định mà nước mình có thể ban hành, Nước tiếp nhận cho phép nhập và miễn mọi thứ thuế quan, lệ phí và các khoản chi phí có liên quan, trừ những khoản chi phí lưu kho, cước vận

chuyển và chi phí cho những dịch vụ tương tự, đối với những vật dụng sau đây với điều kiện là những vật dụng đó được dùng cho công việc chính thức của cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu: quốc huy, cờ, biển đề, con dấu, tem, sách, ấn phẩm chính thức, đồ gỗ văn phòng, thiết bị văn phòng và những vật dụng tương tự, do Nước cử cung cấp hay được cung cấp cho cơ quan lãnh sự theo đề nghị của Nước cử.

Điều 63

Tổ tụng hình sự

Nếu một quá trình tố tụng hình sự được tiến hành đối với một viên chức lãnh sự danh dự thì người đó phải ra trước nhà chức trách có thẩm quyền. Tuy nhiên, vì cương vị chính thức của người này, việc tố tụng phải được tiến hành với sự tôn trọng thích đáng. Trừ khi viên chức lãnh sự danh dự đang bị bắt hoặc tạm giam, thì quá trình tố tụng hình sự phải được tiến hành sao cho gây càng ít trở ngại càng tốt cho việc thi hành chức năng lãnh sự của người đó. Khi cần phải tạm giam một viên chức lãnh sự danh dự, việc tố tụng đối với người đó phải được tiến hành trong một thời gian sớm nhất.

Điều 64

Bảo vệ viên chức lãnh sự danh dự

Nước tiếp nhận có nghĩa vụ dành cho viên chức lãnh sự sự bảo vệ với mức độ cần thiết do cương vị chính thức của người đó.

Điều 65

Miễn đăng ký ngoại kiều và giấy phép cư trú

Trừ những người có hoạt động nghề nghiệp hoặc thương mại ở Nước tiếp nhận để kiếm lời riêng, các viên chức lãnh sự danh dự được miễn mọi nghĩa vụ theo luật và các quy định của Nước tiếp nhận về việc đăng ký ngoại kiều và giấy phép cư trú.

Điều 66

Miễn thuế

Viên chức lãnh sự danh dự được miễn mọi thứ thuế và lệ phí đánh vào phụ cấp và thù lao do Nước cử trả đối với việc thi hành chức năng lãnh sự.

Điều 67

Miễn phục vụ và đóng góp cá nhân

Nước tiếp nhận miễn cho các viên chức lãnh sự danh dự mọi nghĩa vụ đóng góp cá nhân và phục vụ công cộng thuộc bất cứ loại gì và miễn những nghĩa vụ đối với quân đội như: trưng dụng, đóng góp quân sự và cho đóng quân trong nhà mình.

Điều 68

Tính không bắt buộc của chế định viên chức lãnh sự danh dự

Mỗi nước có quyền tự do quyết định việc cử hoặc nhân viên chức lãnh sự danh dự.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 69

Những đại lý lãnh sự không phải là người đứng đầu cơ quan lãnh sự

1. Mỗi nước có quyền tự do quyết định việc lập hoặc chấp nhận những đại lý lãnh sự quán đặt dưới quyền

quản lý của những đại lý lãnh sự mà Nước đó không bổ nhiệm với cương vị người đứng đầu cơ quan lãnh sự.

2. Nước cử và Nước tiếp nhận sẽ thoả thuận với nhau để quy định những điều kiện hoạt động của các đại lý lãnh sự quán theo khoản 1 Điều này và những quyền ưu đãi, miễn trừ mà những đại lý lãnh sự phụ trách các cơ quan đó được hưởng.

Điều 70

Cơ quan ngoại giao thi hành chức năng lãnh sự

1. Trong chừng mực mà hoàn cảnh cho phép, những quy định của Công ước này cũng áp dụng đối với việc một cơ quan đại diện ngoại giao thi hành chức năng lãnh sự.

2. Họ, tên các thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao được cử vào bộ phận lãnh sự hoặc được giao thi hành chức năng lãnh sự phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Nước tiếp nhận hoặc cho cơ quan do Bộ đó chỉ định.

3. Trong khi thi hành chức năng lãnh sự, cơ quan đại diện ngoại giao có thể giao dịch với:

a) Nhà chức trách địa phương của khu vực lãnh sự;

b) Nhà chức trách trung ương của Nước tiếp nhận nếu luật, các quy định và tập quán của Nước này hoặc những điều ước quốc tế có liên quan cho phép.

4. Những quyền ưu đãi và miễn trừ của các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao nói ở khoản 2 Điều này vẫn do những quy tắc của luật pháp quốc tế về quan hệ ngoại giao điều chỉnh.

Điều 71

Công dân hoặc những người thường trú của Nước tiếp nhận

1. Không kể những sự dễ dàng, quyền ưu đãi và miễn trừ mà Nước tiếp nhận có thể cho hưởng thêm, các viên chức lãnh sự là công dân của Nước tiếp nhận hoặc người thường trú ở đó chỉ được hưởng quyền miễn trừ xét xử, quyền bất khả xâm phạm về thân thể đối với những hành động chính thức trong khi thi hành chức năng của mình và quyền ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 44. Đối với những viên chức lãnh sự đó, Nước tiếp nhận cũng có nghĩa vụ quy định ở Điều 42. Nếu một quá trình tố tụng hình sự được tiến hành đối với viên chức lãnh sự đó thì việc này phải được tiến hành sao cho gây trở ngại càng ít càng tốt đối với việc thi hành chức năng lãnh sự của người đó, trừ khi người đó bị bắt hoặc bị tạm giam.

2. Những thành viên khác của cơ quan lãnh sự là công dân Nước tiếp nhận hoặc người thường trú ở đó và thành viên gia đình họ, cũng như thành viên gia đình các viên chức lãnh sự nêu ở khoản 1 Điều này, được hưởng những sự dễ dàng, quyền ưu đãi và miễn trừ chỉ trong chừng mực mà Nước tiếp nhận dành cho họ. Những thành viên gia đình một thành viên cơ quan lãnh sự và những người phục vụ riêng là công dân Nước tiếp nhận hoặc người thường trú ở đó cũng chỉ được hưởng những sự dễ dàng, quyền ưu đãi và miễn trừ trong chừng mực mà Nước tiếp nhận dành cho họ. Tuy nhiên, Nước tiếp nhận phải thi hành quyền xét xử của mình đối với những người đó sao cho không gây quá nhiều trở ngại đối với việc thi hành chức năng của cơ quan lãnh sự.

Điều 72

Không phân biệt đối xử

1. Trong khi áp dụng các quy định của Công ước này, Nước tiếp nhận không được có phân biệt đối xử giữa các nước.

2. Tuy nhiên, sẽ không coi là có sự phân biệt đối xử khi:

a) Nước tiếp nhận áp dụng một quy định nào của Công ước này một cách hạn chế vì điều quy định đó đã áp dụng một cách hạn chế đối với cơ quan lãnh sự của họ ở Nước cử;

b) Do tập quán hay do thoả thuận, các nước đối xử với nhau ưu đãi hơn những quy định của Công ước này.

Điều 73

Quan hệ giữa Công ước này và các điều ước quốc tế khác

1. Những quy định của Công ước này không ảnh hưởng đến những điều ước quốc tế khác đang có hiệu lực giữa các Nước tham gia những điều ước đó.
2. Không có quy định nào của Công ước này ngăn cấm các Nước ký kết những điều ước quốc tế để xác nhận hay bổ sung, mở rộng hoặc phát triển quy định của Công ước này.

CHƯƠNG V NHỮNG QUY ĐỊNH CUỐI CÙNG

Điều 74

Việc ký kết

Công ước này đề nghị việc ký kết cho tất cả các Nước thành viên Liên Hợp quốc hoặc thành viên của bất cứ một cơ quan chuyên môn nào của Liên hợp quốc hoặc các Nước tham gia Quy chế Tòa án quốc tế và bất cứ Nước nào khác được Đại hội đồng Liên hợp quốc mời tham gia Công ước theo quy định sau: cho đến ngày 31/10/1963 tại Bộ Ngoại giao Liên bang của nước Cộng hoà Áo và sau đó, cho đến ngày 31/3/1964, tại trụ sở Liên hợp quốc ở Nữu-ước.

Điều 75

Phê chuẩn

Công ước này phải được phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn sẽ nộp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 76

Gia nhập Công ước

Công ước này đề nghị cho bất cứ nước nào thuộc 1 trong 4 loại nêu ở Điều 74 gia nhập. Văn kiện gia nhập sẽ nộp cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.

Điều 77

Bắt đầu có hiệu lực

1. Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi tính từ ngày nộp văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện xin gia hạn nhập thứ hai mươi hai cho Tổng thư ký Liên hợp quốc.
2. Đối với những Nước phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước, sau khi văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước thứ hai mươi hai đã nộp, Công ước sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày thứ ba mươi, tính từ ngày Nước đó nộp văn kiện phê chuẩn hoặc xin gia nhập.

Điều 78

Việc thông báo của Tổng thư ký

Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ thông báo cho tất cả các Nước thuộc một trong bốn loại nêu ở Điều 74:

- a) Việc ký Công ước này và việc nộp các văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện xin gia nhập, theo các Điều 74, 75 và 76;
- b) Ngày Công ước này bắt đầu có hiệu lực, theo Điều 77.

Điều 79

Văn bản chính thức

Nguyên bản Công ước này bằng các thứ tiếng Trung Quốc, Anh, Nga, Pháp và Tây Ban Nha đều có giá trị như nhau, sẽ do Tổng thư ký Liên hợp quốc lưu chiếu. Tổng thư ký Liên hợp quốc sẽ gửi cho tất cả các Nước thuộc một trong bốn loại nêu ở Điều 74 bản sao có xác nhận.

Để làm bằng, những Đại diện toàn quyền ký tên dưới đây, được phép của Chính phủ mình, đã ký Công ước này.

Làm tại Viên, ngày 24 tháng 4 năm 1963 (1)

Dịch và hiệu đính: Tổ pháp lý lãnh sự

Cục lãnh sự - Bộ Ngoại giao

(1) Gia nhập Công ước này, Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có bảo lưu đối với khoản 1 của Điều 35 và khoản 1 của Điều 58 như sau:

"Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ không cho các cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu được sử dụng giao thông ngoại giao, giao thông lãnh sự, vali lãnh sự và điện mật mã cũng như sẽ không cho các Chính phủ, các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan lãnh sự khác được sử dụng giao thông ngoại giao, giao thông lãnh sự, vali ngoại giao, vali lãnh sự và điện mật mã để liên lạc với các cơ quan lãnh sự do viên chức lãnh sự danh dự đứng đầu, trừ khi được Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép trong từng trường hợp một".